

1129 Series — BÁNH XE Y TẾ

Bánh xe PPR(Ngọc trai màu xám đậm) đường kính bánh xe × chiều rộng bánh xe 75 x 27mm

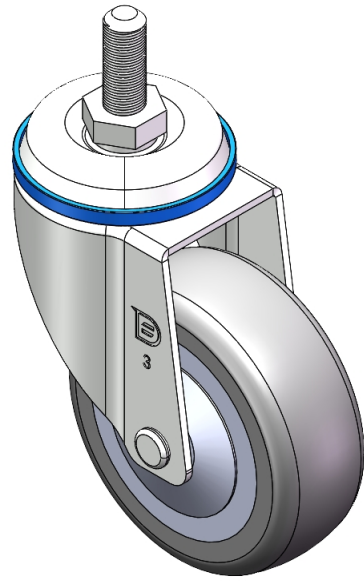
EAN

YJ-11290300265613

Bánh xe di chuyển, chỗ để chân đóng đinh tán ren—M10-P1.5  
Bề mặt mạ kẽm, lắp ren + vòng chống bụi  
Lõi bánh xe bằng polypropylene chống va đập, mặt bánh xe bằng chất đàn hồi nhiệt dẻo (TPR)  
Pearlite màu xám đen, vòng bi bánh xe - bi chính xác.

Mặt bánh xe: Cao su nhiệt dẻo đàn hồi (TPR)  
Lõi bánh xe: Được làm bằng polypropylen chống va đập chất lượng cao

Mô tả sản phẩm chỉ mang tính chất tham khảo. Sản phẩm thực tế sẽ được ưu tiên.



Hình ảnh có thể khác với sản phẩm gốc

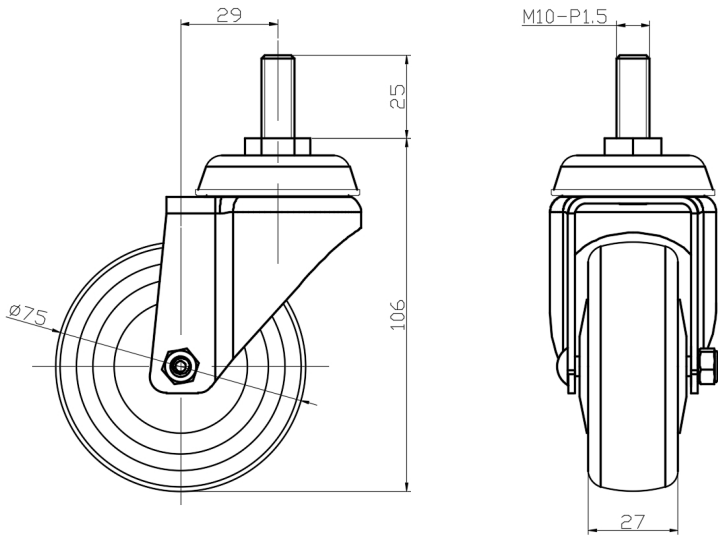
Quy cách chi tiết sản phẩm

|                                                                           |                             |
|---------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|
| <input checked="" type="radio"/> đơn vị mét <input type="radio"/> đế quốc |                             |
| Đường kính bánh xe                                                        | 75mm                        |
| Chiều rộng bánh xe                                                        | 27mm                        |
| vòng bi bánh xe                                                           | Bánh xe trang bị vòng bi bi |
| Thông số kỹ thuật của ren                                                 | M10-P1.5                    |
| độ dài ren                                                                | 25mm                        |
| Độ lệch tâm                                                               | 29mm                        |
| Sự can thiệp quay                                                         | 134mm                       |
| Tổng chiều cao                                                            | 106mm                       |
| Bán kính xoay                                                             | 67mm                        |
| Độ cứng                                                                   | 82±5° Shore A               |
| Tải trọng (động)                                                          | 70kgs                       |
| Tải trọng (tĩnh)                                                          | 105kgs                      |
| Nhiệt độ                                                                  | -20°C to +60°C              |
| Càng bánh xe                                                              | Xoay                        |
| Thép không gỉ                                                             | N/A                         |
| Dẫn điện                                                                  | N/A                         |
| Chống tĩnh điện                                                           | N/A                         |
| Trọng lượng bánh xe đẩy                                                   | 0.35kgs                     |
| Tiêu chuẩn kiểm nghiệm                                                    | ISO22883                    |

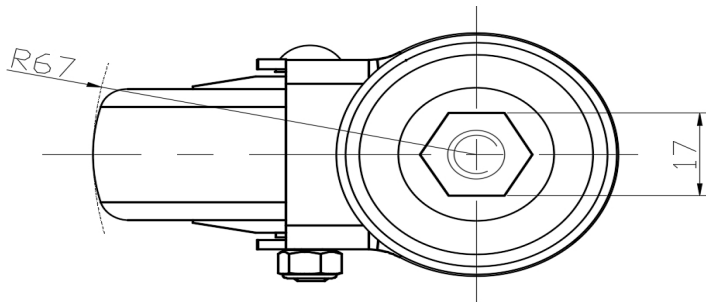
Tổng quan ưu điểm

|                      |           |
|----------------------|-----------|
| Độ di chuyển mượt mà | ● ● ● ● ○ |
| Chế độ im lặng       | ● ● ● ● ○ |
| Bảo vệ mặt sàn       | ● ● ● ● ● |

Bản vẽ 2D kích thước bánh xe đẩy



Bản vẽ 2D kích thước trục ren



\* Nếu có bất kỳ sai lệch nào giữa thông số hệ mét và thông số hệ inch, vui lòng tham khảo thông số hệ mét